BAN TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ TIỀM NĂNG NÊN THAM KHẢO BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA SCIC
TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CÀ MAU

❖ **Tổ chức bán cổ phần**

SCIC

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh Khu vực phía nam
Tầng 03 Tòa nhà ITAXA số 126 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 299 2082 Fax: (84-8) 299 2085

❖ **Tổ chức tư vấn**

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại Tp.HCM
Số 9, Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3914 1150 Fax: (84-8) 3914 1151

CHÀO BÁN CỔ PHẦN THUỘC TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC (SCIC)

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Vốn điều lệ hiện tại : 97.485.790.000 đồng

Tổng số cổ phần : 9.748.579.000 cổ phần

Giấy chứng nhận ĐKKD : 6103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/01/2008

Thông tin về đợt chào bán

Tên cổ phiếu chào bán : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số lượng chào bán : 792.000 cổ phần (Tương đương 8.12% vốn điều lệ)

Tổng giá trị chào bán : 7.920.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Trụ sở chính

Địa chỉ: Lầu 3, 59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3944 5888 Fax: (84.4) 3944 5889

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3915 2930 Fax: (84.8) 3915 2931

Website: www.vise.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty Hợp Danh Kiểm Toán Việt Nhất

Địa chỉ : 05 Đặng Tất, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại :(84 - 8) 3848 1980 Fax :(84 - 8) 3848 4738

Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC)

Chi nhánh Cần Thơ :106 Nguyễn An Ninh, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

Điện thoại :(84 - 71) 3827 888 Fax: (84 - 71) 3823 209

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ 1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 1
1. Rủi ro về kinh tế 1
2. Rủi ro lạm phát 2
3. Rủi ro tỷ giá và lãi suất 2
4. Rủi ro về luật pháp 2
5. Rủi ro về thị trường 3
6. Rủi ro quản lý 3
7. Rủi ro của đợt chào bán 4
8. Rủi ro khác 4
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 4
IV. CÁC KHÁI NIỆM 5
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY 6
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 6
2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty 9
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên tại thời điểm 31/08/2011 12
4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ 12
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức chào bán 13
6. Hoạt động kinh doanh 14
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất 20
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành 23
9. Chính sách đối với người lao động 24
10. Chính sách cổ tức 26
11. Tình hình hoạt động tài chính 26
12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát 30
13. Tài sản 39

14. Kế hoạch về doanh thu lợi nhuận giai đoạn 2011 -2014 41
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 42
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán: không có .. 43
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán: Không có 43
VI. Thông tin về việc bán đấu giá cổ phần 43
1. Những thông tin cơ bản về việc đấu giá 43
2. Mục đích của việc chào bán 44
3. Địa điểm công bố thông tin 44
4. Đăng ký mua cổ phần 44
5. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá 47
6. Địa điểm, thời gian tổ chức đấu giá, thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc: 47
VII. PHỤ LỤC 47
1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 45
2. Phụ lục 2: Quyết định bán phần vốn Nhà nước của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước 45
3. Phụ lục 3: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau 45
4. Phụ lục 4: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009, 2010 và chưa hợp nhất 6 tháng 2011 45

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 17/08/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Thông tư 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Quyết định số 19/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 01/6/2009 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ban hành Quy chế bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Quyết định số 509/QĐ-ĐTKDV ngày 01/11/2011 của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước về việc bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Thủy sản Cà Mau;
- Hợp đồng kinh tế số HĐĐG 15/2010/VIS-TVDN ngày 05/07/2010 giữa Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại Tp.HCM với Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh Khu vực phía Nam về dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau;

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Những năm trở lại đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định: năm 2003 là 7,23%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 đạt 8,4%, năm 2006 là 8,2% và năm 2007 là 8,5%, tuy nhiên năm 2008 và năm 2009 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tốc độ tăng trưởng chỉ đạt lần lượt 6,23% và 5,32% (số liệu Tổng cục thống kê 2009). Năm 2010 và 2011 cũng được đánh giá là năm khó khăn đối với kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam có thể tạm thời chững lại gây ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên

2. Rủi ro lạm phát

Sau một thời gian dài ổn định tình hình lạm phát, từ cuối 2007 Việt Nam phải đối mặt với nguy cơ lạm phát ngày càng tăng cao. Theo thống kê, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2009 lên tới 6,8% ; năm 2010 là 11.75% ; chưa hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 đã là 13.29% (Nguồn : Tổng cục thống kê). Lạm phát cao ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty: Chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng cao, hiệu quả kinh doanh giảm sút... Tuy nhiên, Chính phủ vẫn đang theo đuổi chính sách tiền tệ thận trọng, linh hoạt nhằm kiểm soát tỷ lệ lạm phát, hạ lãi suất để hỗ trợ cho hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

3. Rủi ro tỷ giá và lãi suất

Tính đến ngày 30/06/2011, Công ty có tổng dư nợ vay ngân hàng là trên 249 tỷ. Lãi suất vay tiền đồng đang đứng ở mức cao sẽ làm tăng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Nguyên liệu đầu vào của Công ty được mua bằng đồng Việt Nam, trong khi giá trị xuất khẩu thì thu về bằng ngoại tệ. Hiện tại, trên 95% sản lượng sản xuất của Công ty dùng để xuất khẩu nên yếu tố tỷ giá có ảnh hưởng rất lớn đến doanh số và lợi nhuận của Công ty. Khi tỷ giá biến động tăng thì doanh số của Công ty và lợi nhuận cũng bị tác động tăng theo và ngược lại. Tuy nhiên, với chính sách khuyến khích xuất khẩu của nước ta hiện nay thì tỷ giá có xu hướng tăng lên nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu. Do đó, rủi ro về tỷ giá có thể nhìn nhận là ảnh hưởng không nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro về luật pháp

Công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ cuối năm 2004, hoạt động của Công ty chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh

Hơn nữa, giữa Luật Việt Nam và Luật Quốc tế vẫn chưa có sự đồng nhất. Điều này cũng gây khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu trong việc tham gia các vụ tranh chấp, kiện tụng thương mại.

Hiện nay, việc bình thường hóa quan hệ của nước ta với hầu hết các nước là điều kiện để luật pháp Việt Nam ngày càng hoàn thiện hơn nữa, đáp ứng được nhu cầu phát triển ngày càng cao và hội nhập sâu của nền kinh tế. Do vậy, rủi ro về pháp luật là rủi ro chung cho hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam, nhưng trong tương lai không xa, điều này sẽ không bị ảnh hưởng nhiều và nó sẽ trở thành động lực cho quá trình phát triển của Công ty.

5. Rủi ro về thị trường

Trên 95% sản phẩm của Công ty là dùng để xuất khẩu, thị trường xuất khẩu chủ yếu của Seaprimexco là Mỹ, EU, Nhật, Canada, Hàn Quốc... Đây là những thị trường rất khó tính và luôn có những quy định rất khắt khe về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Những tiêu chuẩn này có thể thay đổi theo từng thời kỳ khác nhau, thường là bổ sung hoạt chất cấm sử dụng hoặc quy định mức tối thiểu về dư lượng kháng sinh. Thời gian qua, có những lúc các thị trường này đã cấm nhập hàng loạt các mặt hàng thủy sản sản xuất tại Việt Nam, do đó, có thể nhìn nhận đây là rủi ro lớn cho các công ty sản xuất nếu không tuân thủ tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tuy nhiên, quá trình sản xuất của Seaprimexco luôn tuân thủ về chất lượng sản phẩm trong suốt quá trình từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra và bảo quản, luôn thực hiện theo đúng các tiêu chuẩn về ISO, BRC Global Standard - Food, HACCP... Do đó, Công ty luôn kiểm soát được chất lượng sản phẩm của mình

6. Rủi ro quản lý

Nguyên liệu chính dùng trong sản xuất của Công ty là tôm các loại, cá tra – cá basa và các loại cá sản xuất Surimi. Nguồn nguyên liệu thủy sản của Việt Nam thường có tính chất mùa vụ. Khi vào mùa, nguồn cung nguyên liệu thủy sản thường dư thừa, giá giảm, khi trái mùa, giá thủy sản thường tăng lên rất nhiều. Thêm vào đó, sự gia nhập ngành ngày càng nhiều làm cho giá cả nguyên liệu đầu vào sẽ bị cạnh tranh gay gắt hơn.

Việt Nam là nước có nguồn khai thác thủy sản đứng thứ 3 thế giới. Hiện tại, cả nước có 1,7 triệu ha mặt nước có thể nuôi trồng thủy sản nhưng chỉ mới khai thác nuôi trồng được 1/3. Do đó, trong tương lai, nguồn nguyên liệu thủy sản sẽ dồi dào hơn, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Seaprimexco nói riêng sẽ không bị động trong việc khai thác theo mùa vụ, vì hầu hết các doanh nghiệp đang ứng dụng một số mô hình nuôi trồng thủy sản hiện đại hơn, quy trình khép kín từ nuôi trồng đến sản xuất. Điều này sẽ làm giảm thiểu đáng kể rủi ro về nguồn cung ứng nguyên liệu.

7. Rủi ro của đợt chào bán

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu, mối quan hệ cung cầu phụ thuộc vào các yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Vì vậy, có thể xảy ra khả năng không bán hết số lượng cổ phần chào bán đấu giá. Tuy nhiên, với mức giá khởi điểm chào bán hợp lý, Công ty tin tưởng vào sự thành công của đợt chào bán.

8. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hoả hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công ty cổ phần Thủy sản Cà Mau

Ông: **BÙI NGUYÊN KHÁNH**	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Bà: **NGUYỄN HỒNG PHƯỢNG**	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông: **HUỲNH VĂN ÚT**	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn : Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại Tp.HCM

Ông **NGUYỄN VĂN TUẤN** Chức vụ: Giám đốc tư vấn doanh nghiệp

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu

do Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM

"Bản công bố thông tin": là bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư tham khảo, đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán;

"Vốn điều lệ": là số vốn do tất cả cổ đông góp và cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ của Công ty;

"Cổ phần": là phần vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;

"Cổ phiếu": là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty;

"Cổ đông": là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;

"Cổ tức": là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;

"Năm tài chính": là năm mười hai tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.

UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
Công ty	: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
VIS	: Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
VND	: Việt Nam đồng
Tổ chức tư vấn	: Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam
BCTC	: Báo cáo tài chính
CTCP	: Công ty cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
Seaprimexco	: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
DNNN	: Doanh nghiệp Nhà nước
DNTN	: Doanh nghiệp tư nhân

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau là DNNN: Công ty XNK Thủy sản Minh Hải, được thành lập năm 1976. Theo quyết định về việc cổ phần hóa DNNN số 698/QĐ - CTUB Ngày 06/10/2004, Công ty đã chuyển sang hoạt động với hình thức Công ty cổ phần và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 610300035 ngày 21/10/2004 với vốn điều lệ ban đầu là 22.000.000.000 tỷ đồng. Qua nhiều lần tăng vốn, đến nay vốn điều lệ hiện tại của công ty là: 97.485.790.000 đồng.

Với phương châm: ***"giữ vững hệ thống phân phối, đầu tư phát triển mạnh cho sản xuất, mở rộng thị trường, tăng thị phần, lấy thương hiệu và năng lực sản xuất làm nền tảng"*** của Ban lãnh đạo cũng như tập thể CBCNV, đến nay, Seaprimexco đã không ngừng phát triển và đạt được những thành công nhất định. Với mục tiêu đã đề ra, trong nhiều năm liên tiếp Công ty đạt mục tiêu tăng trưởng cao, phát triển sản phẩm, tăng thị phần, tăng khách hàng, nâng cao thu nhập cho người lao động, đóng góp ngày càng cao vào ngân sách Nhà nước.

Qua hơn 30 năm hình thành và phát triển, đến nay, Seaprimexco đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam trong xuất khẩu thủy sản. Sự phát triển đáng ghi nhận này được thể hiện qua những thành tích cụ thể trong những năm gần đây như sau:

- Là Hội viên chính thức của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam.
- Là Hội viên chính thức của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam .
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Ban tổ chức hội chợ TLQT Cần Thơ tặng danh hiệu "Doanh nghiệp làm ăn hiệu quả ĐBSCL 1997 - 2000"
- Giải thưởng "*Sản phẩm thủy sản chất lượng cao*" của Vietfish 2001 cho mặt hàng tôm Sú PDTO.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau thưởng khuyến khích xuất khẩu năm 2004 và 2005.
- Bằng khen Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau đạt nhiều thành tích trong xuất khẩu năm 2004 - Mức tăng trưởng cao, thu hút nhiều lao động, do Bộ Thương mại tặng ngày 31/8/2005.
- Bằng khen Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau đã có thành tích xuất khẩu các mặt hàng đạt chất lượng cao trong năm 2005, do Bộ Thương mại tặng ngày 05/9/2006.
- Bằng khen Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động

sản xuất kinh doanh và có nhiều đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp năm 2006, do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tặng ngày 02/03/2007.

- Đạt danh hiệu "*Doanh nghiệp Việt Nam Uy tín - Chất lượng năm 2005 - 2007 - 2008*" do Mạng Doanh nghiệp Việt Nam xét cấp.
- Cúp vàng ISO 2007 do Bộ Khoa học Công nghệ khen thưởng.
- Nhà Quản lý giỏi do Tổng Liên Đoàn LĐ VN tổ chức trao giải vào tháng 9/2007.
- Đạt danh hiệu: "Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2005 - 2006 - 2007" do Bộ Thương mại xét tặng.
- Được Ủy ban quốc gia và hợp tác kinh tế quốc tế và Báo Thương mại chứng nhận "Doanh nghiệp có giải pháp thị trường xuất khẩu tốt nhất sang thị trường các nước và khu vực".

1.2. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Tên viết tắt : SEAPRIMEXCO

Tên giao dịch : SEAPRIMEXCO - VIETNAM

Biểu tượng của Công ty:

Trụ sở : 8 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại : (84-780) 3831615 – 3831230 Fax: (84-780) 3831861

Email : sales@seaprimexco.com

Website : www.seaprimexco.com

Giấy CNĐKKD: Số 6103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/10/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15/01/2008.

Vốn điều lệ đăng ký: 100.000.000.000 đồng *(Một trăm tỷ đồng)*.

Vốn thực góp tại 30/06/2011: 97.485.790.000 đồng *(Chín mươi bảy tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng)*.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty : Sản xuất, chế biến xuất khẩu, tạm nhập tái xuất các mặt hàng thủy hải sản và kinh doanh các loại hàng hóa nông sản thực phẩm chế biến, hàng công nghiệp nhẹ, hàng thủ công mỹ nghệ, nguyên liệu vật tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và phương tiện vận tải.

1.3. Cơ cấu vốn cổ phần

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy Sản Cà Mau tại thời điểm 30/06/2011

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) sở hữu
	Trong nước:	**9.624.204**	98,72%
1.	- *Vốn Nhà nước (SCIC)*	*792.000*	*8,1%*
2.	Nước ngoài:	124.375	1,28%
	Tổng cộng	**9.748.579**	**100%**
1.	Cá nhân	**6.725.477**	**68,99%**
2.	Tổ chức	**3.023.102**	**31,01%**
	Tổng cộng	**9.748.579**	**100%**

Nguồn: Danh sách Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Công ty

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CỦA SEAPRIMEXCO

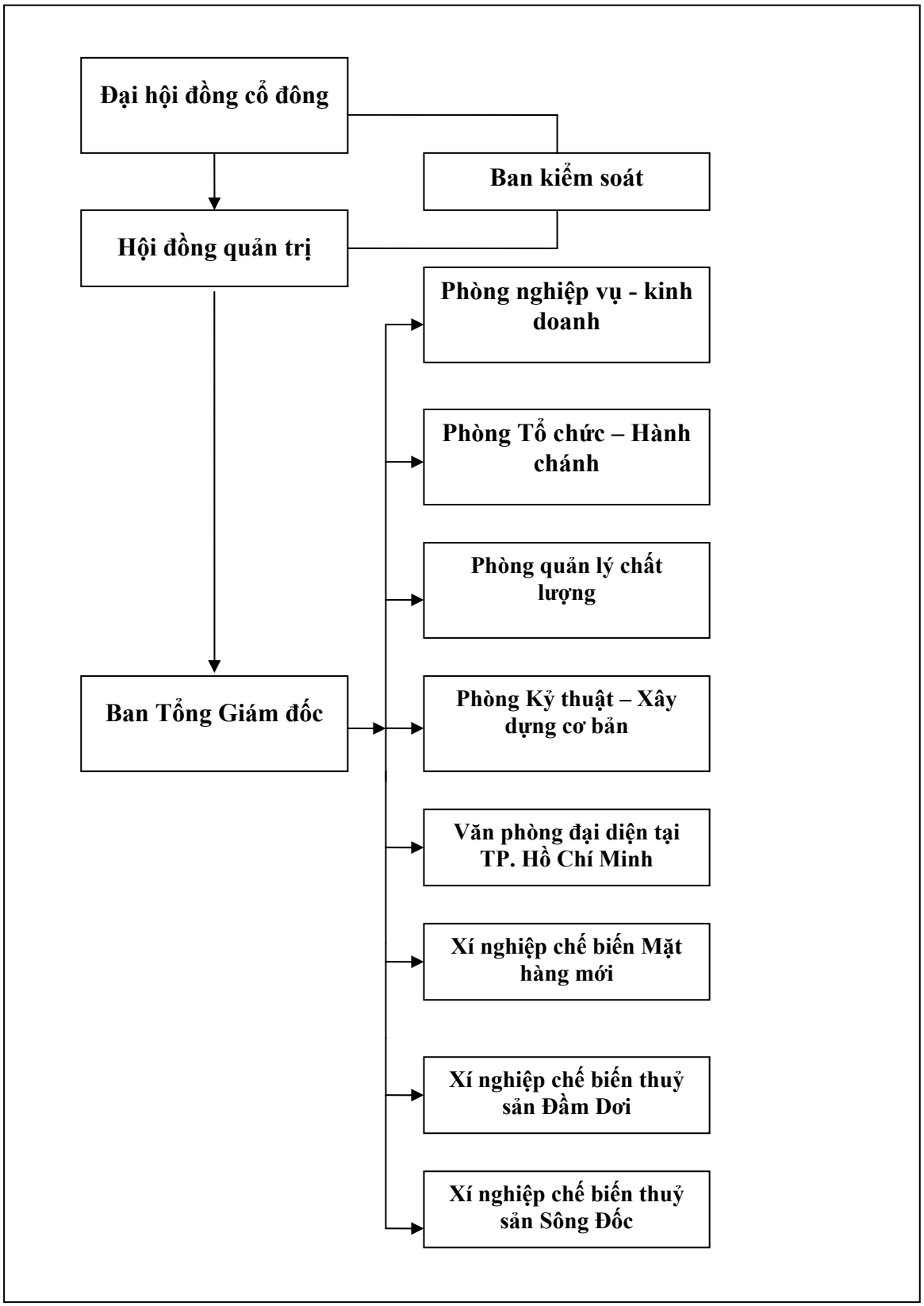

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và Ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Hiện tại Hội đồng quản trị Công ty có 6 thành viên, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị là 5 năm và nhiêm kỳ mỗi thành viên không quá 5 năm.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban Kiểm soát Công ty gồm 02 thành viên và có nhiệm kỳ không quá 5 năm.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Tổng Giám đốc hiện có 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

Chức năng của các Phòng ban

Công ty hiện có 04 phòng chức năng (theo sơ đồ tổ chức, quản lý), 03 Xí nghiệp sản xuất, một Văn phòng Đại diện và một chi nhánh tại Mỹ.

a) Phòng Nghiệp vụ Kinh doanh:

Chức năng:

Phòng Nghiệp vụ Kinh doanh có chức năng tham mưu, giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty trong điều hành quản lý thu mua - sản xuất - kinh doanh xuất nhập khẩu, tìm kiếm khách hàng và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa nhằm mục đích mang lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty. Đồng thời giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty trên lĩnh vực quản lý vốn - tài sản

và hạch toán kế toán thống kê trong phạm vi toàn Công ty cũng như trong hợp tác, liên doanh liên kết… theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành của Nhà nước.

b) Phòng Tổ chức - Hành chánh:

Chức năng:

Phòng Tổ chức - Hành chánh có chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về công tác tổ chức nhân sự, lao động tiền lương, hành chính quản trị và thực hiện các chính sách chế độ của Nhà nước quy định đối với người lao động, đồng thời điều hành những công việc chung của Công ty.

c) Phòng kỹ thuật - Xây dựng cơ bản:

Chức năng:

Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác đầu tư mới, nâng cấp sửa chữa máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng trên phạm vi toàn Công ty.

d) Phòng Quản lý Chất lượng:

Chức năng:

- Tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc về các lĩnh vực liên quan đến chất lượng sản phẩm, định mức chế biến, quy trình sản xuất các mặt hàng mới, các mặt hàng có giá trị gia tăng trong phạm vi toàn Công ty.
- Xây dựng, triển khai, giám sát và kiểm tra việc thực hiện quy trình sản xuất, quy định sản xuất, điều kiện sản xuất các Xí nghiệp và chất lượng sản phẩm trên phạm vi toàn Công ty.
- Đánh giá và lựa chọn các nhà thầu phụ cung cấp hàng hóa và nguyên liệu cho các Xí nghiệp, kiểm tra việc thực hiện các chương trình quản lý chất lượng HACCP, ISO BRC... trong phạm vi được phân công.

e) Văn phòng Đại diện:

Chức năng:

- Văn phòng Đại diện là một bộ phận trực thuộc Công ty, thường trực tại TP. Hồ Chí Minh và chịu sự lãnh đạo toàn diện của Tổng Giám đốc Công ty. Văn phòng có con dấu riêng để thuận tiện trong việc quan hệ giao dịch và hoạt động.
- Văn phòng Đại diện Công ty tại TP. Hồ Chí Minh kết hợp với Phòng Nghiệp vụ Kinh doanh thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tiếp thị, mở rộng thị trường nhằm đẩy mạnh tiêu thụ các mặt hàng thủy sản, kinh doanh các mặt hàng

khác ngoài thủy sản theo chức năng kinh doanh của Công ty; Đồng thời lập mọi thủ tục về xuất nhập khẩu hàng hóa tại các cửa khẩu ngoài tỉnh Cà mau.

f) Các Xí nghiệp Đông lạnh trực thuộc:

Chức năng:

- Các Xí nghiệp là những đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty và chịu sự lãnh đạo toàn diện của Tổng Giám đốc Công ty, riêng Xí nghiệp Chế biến thủy sản Đầm Dơi và Xí nghiệp Chế biến thủy sản Sông Đốc có con dấu riêng để thuận tiện trong quan hệ giao dịch và hoạt động.
- Kết hợp hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài, nhằm từng bước củng cố, xây dựng Xí nghiệp trở thành đơn vị lớn mạnh, phát triển bền vững, có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, có kỷ cương, nề nếp và uy tín về mọi mặt.
- Tổ chức quản lý sản xuất một cách hợp lý và khoa học trên cơ sở phát huy mọi khả năng về trí lực của đội ngũ nhân sự, cũng như nâng cao hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị - phương tiện sản xuất để sản xuất ra những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, số lượng hợp lý nhất và giá thành rẽ nhất, nhằm tạo ra nguồn hàng ổn định cung ứng cho việc kinh doanh xuất khẩu của toàn Công ty.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên tại thời điểm 31/08/2011

Nguồn: Seaprimexco

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Thành tiền	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ Đông nhà nước (SCIC)	792,000	7,920,000,000	8,12%
2	Ông Bùi Nguyên Khánh	780,000	7,800,000,000	8,00%
3	Ông Huỳnh Nhật Vũ	570,457	5,704,570,000	5,85%
4	Bà Phan Thị Ngọc Ánh	600,000	6,000,000,000	6,15%
5	Bùi Vĩnh Hoàng Chương	982,500	9,825,000,000	10,08%
6	Bùi Phan Hoàng Anh	548,604	5,486,040,000	5,63%
7	Công ty CP Thủy sản Cà Mau	602,852	6,028,520,000	6,18%
8	Công ty CP chứng khoán Bảo Việt	975,000	9,750,000,000	10,00%
	Tổng cộng	**5,851,413**	**58,514,130,000**	**60,01%**

4. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000035 đăng ký lần đầu ngày 21/10/2004

4 ngày 15/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, danh sách cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau như sau:

STT	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (mệnh giá	Số CMND	Tỷ lệ
1	Bùi Nguyên Khánh	1.048.000	023452193	47,64%
2	Huỳnh Nhật Vũ	380.305	023317382	17,29%
3	Bùi Thế Hùng	60.000	380710872	2,73%
		1.488.305		**67,65%**

Nguồn: Giấy CNĐKKD Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khoá XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29/11/2005: " Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông". Đến thời điểm hiện nay, các quy định về hạn chế chuyển nhượng cổ phần phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin chào bán, những công ty mà tổ chức chào bán đang giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với tổ chức chào bán

- Những Công ty mà Tổ chức chào bán đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ nắm giữ	Số ĐKKD	Ngày cấp
1	Công ty Cổ phần Thủy sản An Phước	100 tỷ	83.05%	5403000049	Đăng ký lần đầu ngày 11/5/2007, thay đổi lần 1 ngày 7/7/2008

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

- Những Tổ chức đang nắm quyền kiểm soát đối với tổ chức chào bán: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là các sản phẩm từ tôm, cá, mực, surimi và bạch tuộc đông lạnh. Trong đó, tôm là sản phẩm chính của Công ty với nhiều loại sản phẩm như: tôm vỏ, PD, PUD, Nobashi, bao bột tươi, tôm PTO, PD hấp…

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA SEAPRIMEXCO

Các sản phẩm từ tôm:

Các sản phẩm từ mực và bạch tuộc:

6.2. Doanh thu, lợi nhuận qua các năm

Đơn vị tính:triệu đồng

Khoản mục	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010	Chưa hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011
1. Doanh thu thuần	Triệu đồng	456,427	700,992	274,855
2. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	Triệu đồng	(243)	(3,164)	(444)
3. Lợi nhuận khác	Triệu đồng	(6,844)	5,242	1,462
4. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(7,087)	(11,053)	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2009, 2010 và BCTC chưa hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011

6.3. Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất

Nguồn cung ứng nguyên vật liệu:

Với đặc điểm của vùng sông nước Tây Nam Bộ, nguồn nguyên liệu thủy sản được nuôi khá phổ biến tại các tỉnh Cà Mau, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Kiên Giang, Bến Tre, Trà Vinh…mục tiêu của Công ty là phải đảm bảo nguồn nguyên liệu sản xuất liên tục và không bị động trong quá trình thu mua để có thể bị ảnh hưởng giá mua nguyên liệu đầu vào, làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh. Do đó, Seaprimexco đã sàng lọc và chọn cho mình trên 50 đại lý có uy tín tại các tỉnh nói trên để cung cấp nguyên liệu đầu vào đảm bảo cho 3 nhà máy sản xuất của mình.

Theo thông lệ, vào đầu năm, Công ty sẽ ký hợp đồng nguyên tắc có giá trị 1 năm với các nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào. Đến cuối năm, căn cứ vào lượng hàng cung cấp thực tế trong năm, các hợp đồng này sẽ được tất toán.

Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính dùng trong sản xuất của Công ty là tôm, cá các loại và được thu mua từ vùng sông nước Tây Nam Bộ. Là một vùng có điều kiện sông ngòi thuận lợi, diện tích mặt nước rất lớn và có nguồn nước ôn hòa nên vùng Đồng Bằng sông Cửu Long rất thích hợp cho việc nuôi trồng thủy sản. Do đó, có thể nhìn nhận rằng, nguồn cung cấp thủy sản từ các tỉnh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long là tương đối dồi dào.

Theo thống kê thì diện tích nuôi tôm hàng năm tăng thêm 10-15%, đồng thời do tiến bộ của khoa học kỹ thuật hiện nay, tôm được nuôi ở mật độ dày hơn, do đó năng suất cũng cao hơn.

Ngoài ra, với việc lựa chọn nhà cung ứng cũng là một trong những tiêu chí góp phần tạo nên sự ổn định về nguồn nguyên liệu sản xuất, chất lượng cho sản phẩm.

Mặt khác, việc mua với khối lượng lớn, thanh toán đúng hạn, tạo mối quan hệ để gắn lợi ích giữa các nhà cung ứng với Công ty, Seaprimexco đã tạo được uy tín tốt đối với các đối tác cung ứng. Vì thế, Công ty luôn nhận được sự đảm bảo từ phía các nhà cung ứng về nguồn nguyên vật liệu.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Nguyên vật liệu dùng trong sản xuất của Công ty chiếm tỉ trọng trên 90% trong cơ cấu giá vốn, vì vậy sự biến động giá nguyên vật liệu tất yếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trường hợp giá bán không thay đổi giá, nguyên liệu tăng sẽ giảm lợi nhuận và ngược lại sẽ tăng lợi nhuận.

Hiện nay, nguồn cung nguyên vật liệu là rất khó khăn. Tuy nhiên, để sự biến động giá cả nguyên vật liệu không ảnh hưởng quá nhiều đến hiệu quả kinh doanh, cũng như để đáp ứng đầy đủ nguồn nguyên liệu sản xuất thường xuyên, Công ty đã chủ động thương lượng với nhà cung ứng về giá hoặc ký hợp đồng cung ứng cho cả năm, tạo mối quan hệ để gắn bó quyền lợi giữa các nhà cung ứng với Công ty.

6.4. Chi phí sản xuất và quản lý:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí	Năm 2009		Năm 2010		Chưa hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011	
	Giá trị	%/ DT thuần	Giá trị	% /DT thuần	Giá trị	% DT thuần
Doanh thu thuần	456,428		700,992		274,855	
Giá vốn hàng bán	430,734	94.37%	644,599	91.96%	248,611	90.45%
Chi phí bán hàng	20,869	4.29%	27,706	3.95%	10,871	3.78%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17,399	3.81%	22,856	3.26%	8,092	2.94%
Chi phí tài chính	17,266	3.55%	38,761	5.53%	20,303	7.39%
Tổng cộng	**486,268**	**106.03%**	**733,922**	**104.70%**	**287,877**	**104.56%**

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2009, 2010 và BCTC chưa hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011

Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu của Công ty không có sự khác biệt nhiều qua từng

năm khi chỉ dao động khoảng 90% mỗi năm từ 2009 đến 2011. Tuy nhiên, Chi phí quản lý doanh nghiệp liên tục tăng từ khoảng 17 tỷ năm 2009 lên tới hơn 22 tỷ đồng, tương đương tăng 29%. Điều này là do Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng cho toàn hệ thống để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh nên chi phí quản lý theo đó đã tăng lên. Chi phí vẫn còn ở mức khá cao, nguyên nhân chủ yếu là do Công ty sử dụng khá nhiều nợ vay ngắn hạn

6.5. Trình độ công nghệ

Hệ thống máy móc thiết bị của Công ty đa số thuộc thế hệ mới, được đầu tư đồng bộ và đang trong tình trạng sử dụng tốt.

Về công nghệ chế biến, hiện nay Công ty nằm trong top những đơn vị có công nghệ chế biến tôm hàng đầu ở Việt Nam. Công ty đã chế biến được hơn 60% hàng giá trị gia tăng đáp ứng được yêu cầu khắt khe cuả các thị trường Bắc Mỹ, EU, Nhật, Hàn Quốc,… Chính các mặt hàng này đã đem lại hiệu quả cao cho Cty.

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Sản phẩm sản xuất và kinh doanh của Công ty dùng 95% cho xuất khẩu, và thị trường tiêu thụ chính là Mỹ, Nhật, EU, Canada, Hàn Quốc… Đây là những thị trường khó tính và chất lượng sản phẩm luôn được xem là tiêu chuẩn hàng đầu để xem xét trước khi nhập vào các thị trường này. Do đó, Seaprimexco luôn lấy chất lượng, an toàn và hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu trong quá trình hình thành và phát triển của mình.

Từ ngày thành lập đến nay, Công ty không ngừng đổi mới hoàn thiện quy trình sản xuất. Hệ thống quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm phù hợp với các tiêu chí mà các thị trường xuất khẩu đòi hỏi.

Hệ thống quản lý chất lượng của Seaprimexco luôn cập nhật đầy đủ thông tin, tài liệu, hoạt động hiệu quả và đã được công nhận đạt các tiêu chuẩn quốc tế sau:

- ISO 9001:2008, số: VN10/00063, do Tổ chức SGS - UNAB cấp ngày 02/6/2010.
- ISO 9001:2008, số: VN10/00066, do Tổ chức SGS - UKAS cấp ngày 06/6/2010.
- ISO 22000:2005, số: CH10/0635, do Tổ chức SGS - SWISS cấp ngày 29/4/2010.
- BRC Global Standard for Food Safety, số: GB06/69850, do Tổ chức SGS – UKAS cấp ngày 01/12/2009.
- GMP, số VN10/00058, do Tổ chức SGS cấp ngày 29/4/2010.
- HALAL, số 30/2010-HALAL, do Ban đại diện cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang chứng

nhận ngày 22/6/2010.

- HACCP, số VN10/00059, do Tổ chức SGS cấp ngày 29/4/2010.
- HACCP số 125/2009/QLCL- CN do Cục QLCL Nông Lâm sản và Thủy sản cấp cho Xí nghiệp DL 375.
- HACCP số 134/2009/QLCL- CN do Cục QLCL Nông Lâm sản và Thủy sản cấp cho Xí nghiệp DL 231.
- HACCP số 206/2009/QLCL- CN do Cục QLCL Nông Lâm sản và Thủy sản cấp cho Xí nghiệp DL 196.
- HACCP số 30/2010/QLCL-CN/NB do Cục QLCL Nông Lâm sản và Thủy sản cấp cho Xí nghiệp DL 118.

Trên tinh thần phân công, phân nhiệm, việc kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty được quy định nghiêm ngặt. Hiện tại, công việc này do Phòng quản lý chất lượng chủ trì đảm trách và có phân công cụ thể cho từng thành viên trong phòng. Mỗi thành viên được phân công theo dõi sát sao các quy trình trước, trong và sau khi sản xuất để có những phản ánh kịp thời cho Ban Tổng giám đốc, từ đó điều chỉnh cho phù hợp với các tiêu chuẩn mà Công ty đã được cấp giấy chứng nhận và thị trường yêu cầu.

6.7. Hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu

Chiến lược sản phẩm:

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty là những nước có nền kinh tế phát triển, đời sống của người tiêu dùng rất cao. Do đó, sản phẩm tiêu thụ không chỉ đảm bảo về dinh dưỡng mà còn phải tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm. Ý thức được vấn đề này, Công ty đã lấy chất lượng sản phẩm làm cam kết xuyên suốt trong quá trình hình thành và phát triển của mình.

Ngoài chất lượng, Công ty còn luôn thay đổi mẫu mã sản phẩm, bao bì cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Chiến lược giá:

Giá cả là yếu tố đặc biệt quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty áp dụng chiến lược giá linh hoạt và thay đổi theo từng thị trường khác nhau và tùy từng thời điểm khác nhau như: các dịp Lễ lớn, Tết, mùa nghỉ,… sẽ có chiến lược chào bán giá tốt hơn so với thời điểm bình thường.

Quảng bá thương hiệu:

Thương hiệu là một trong những tiêu chí sống còn mà Công ty đã đề ra trong tiến trình hội

nhập và cạnh tranh ngày càng khốc liệt này. Do đó, tên tuổi và uy tín của Seaprimexco được xây dựng và gìn giữ ngay từ những ngày đầu thành lập. Tất cả các Phòng ban, đơn vị trực thuộc đồng nhất phối hợp để tạo nên một giá trị đích thực cho các sản phẩm cũng như Thương hiệu của Công ty. Việc xây dựng Thương hiệu bao gồm việc xây dựng kế hoạch chuẩn hóa và đồng nhất cho toàn bộ hệ thống sản xuất và bán hàng, thường xuyên bồi dưỡng cho nhân viên có một tầm nhìn đúng về Marketing cũng như về quản lý Thương hiệu, để cho mỗi thành viên là một Thương hiệu đích thực của Công ty.

Thêm vào đó, Công ty đã luôn chủ động tham gia có chọn lọc các chương trình Hội chợ chuyên ngành trong và ngoài nước (Vietfish, Nhật, Mỹ, Châu Âu…) nhằm quảng bá sản phẩm và giữ vững Thương hiệu. Tiếp tục tìm kiếm một số đối tác chiến lược mới để hợp tác lâu dài, xây dựng chiến lược chăm sóc khách hàng cả đầu vào lẫn đầu ra nhằm tạo ra một giá trị gia tăng cho các sản phẩm của mình.

Ngoài ra, Công ty còn có những chính sách khác để tạo dựng tên tuổi của mình:

- Tạo mối quan hệ và gắn bó quyền lợi với các nhà cung ứng nguyên liệu.
- Đẩy mạnh việc giao dịch thương mại qua mạng internet đối với các khách hàng nước ngoài; tính toán hợp lý để đưa ra giá cả cạnh tranh cũng như đáp ứng các nhu cầu về chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm.
- Khai thác những khách hàng mới qua các công ty trung gian theo phương thức chi trả hoa hồng môi giới cho từng hợp đồng.

Một vấn đề mà Công ty rất quan tâm nữa đó là giới thiệu chi tiết các sản phẩm trên website của Công ty : www.seaprimexco.com.

Với phương pháp này, hình ảnh và sản phẩm của Công ty được quảng bá rộng rãi hơn.

Thị trường tiêu thụ:

Với uy tín thương hiệu và chất lượng sản phẩm được đảm bảo, sản phẩm của Công ty đã và đang được tiêu thụ tại nhiều nước trên thế giới. Hiện tại, Công ty đã có một số khách hàng chiến lược tiêu thụ ổn định và lâu dài.

Tại thị trường Nhật, khách hàng Ajinomoto, Nissui, Matsuda và Sumikin đã bao tiêu sản phẩm của Công ty với giá trị hợp đồng mỗi năm hơn 10,5 triệu USD; Thị trường Mỹ có các khách hàng Sysco, Costco với giá trị hợp đồng mỗi năm lên tới trên 30 triệu USD; thị trường EU có khách hàng Behn Meyer với giá trị mỗi năm khoảng 2,4 triệu USD và một số thị trường khác với giá trị mỗi năm khoảng 2-3 triệu USD.

Với thị trường tiêu thụ ổn định, Công ty tiếp tục tạo mọi điều kiện để giữ chân khách hàng cũ

và tìm ra nhiều giải pháp khác để mở rộng thêm khách hàng mục tiêu mới.

6.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo:

Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại Cục sở hữu Công nghiệp, có giá trị kể từ ngày 28/10/1991 và được đăng ký sửa đổi ngày 04/03/2005 theo quyết định sửa đổi số A1647/QĐ – DK.

6.9. Các hợp đồng lớn đang thực hiện trong quí III năm 2011

Stt	Số hợp đồng	Sản phẩm	Trị giá	Đối tác
1.	01/Sea-Kobe/2011	Tôm sú đông lạnh	340.000 USD	KOBE – Nhật
2.	02/NISEA/2011	Tôm thẻ chì đông lạnh	320.000 USD	NIPPON SUSAN – Nhật
3.	64/ASF/2011	Tôm sú đông lạnh	1.250.000 USD	MAZZETTA COMPANY LLC
4	01/SEA-GAN/2011	Tôm sú đông lạnh	350.000 USD	Groupe – EU

Nguồn: Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất

7.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. *Chỉ tiêu tài chính*

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Quý II/2011
Tổng tài sản	505,856	462,683	432,837
Doanh thu thuần	456,428	700,992	274,855
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	(243)	(3,163)	(444)

Lợi nhuận khác	(6,843)	5,242	1,462
Lợi nhuận trước thuế	(7,087)	(10,158)	1,018
Lợi nhuận sau thuế	(7,271)	(11,053)	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán 2009, 2010; BCTC chưa hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011

Doanh thu

Năm 2009, doanh thu của Công ty chủ yếu là từ hoạt động sản xuất kinh doanh và xuất khẩu những sản phẩm thuỷ sản trong nước và nước ngoài. Năm 2009 và 2010, doanh thu Công ty tăng trưởng âm, nguyên nhân chủ yếu do khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 kéo dài sang năm 2009, 2010 và khủng hoảng nợ Châu Âu năm 2011 làm cho thị trường tiêu thụ thủy sản của các doanh nghiệp Việt Nam bị co hẹp lại. Thực tế này làm cho Công ty chỉ đạt được 67% so với kế hoạch năm 2009 tương ứng với phần thực hiện là 456 tỷ đồng.

Lợi nhuận

Năm 2009, Công ty đạt 7 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tuy nhiên, do hoạt động trong Công ty liên doanh, liên kết kém hiệu quả nên Công ty có khoản lỗ 7.2 tỷ đồng. Sau khi loại trừ khoản lợi nhuận tử cổ đông thiểu số, phần lỗ của Công ty mẹ là 6.9 tỷ đồng.

Tuy năm 2010 kinh doanh có lãi nhưng Công ty phải bù cho khoản lỗ lũy kế của năm 2008 và lỗ của Công ty con An Phước nên Công ty có khoản lỗ 11 tỷ đồng. Sau khi loại trừ khoản lợi nhuận tử cổ đông thiểu số, phần lỗ của Công ty mẹ là 9.6 tỷ đồng.

Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 30/06/2011, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

- Số dư vay và nợ ngắn hạn:
  - Vay ngắn hạn Ngân hàng VND: 249,586,747,321 đồng.
  - Mục đích vay: Vay ngắn hạn dùng để bổ sung vốn lưu động cho sản xuất kinh doanh
- Số dư vay và nợ dài hạn:
  - Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp (VND): 6,976,000,000 đồng.
  - Mục đích vay: Vay dài hạn đầu tư phân xưởng chả cá - Surimi

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011

Thuận lợi :

+ Trong nước, tình hình suy giảm kinh tế có dấu hiệu dần hồi phục trong những tháng cuối

năm, lãi suất tín dụng đang hạ nhiệt, đặc biệt là chính sách ưu tiên tín dụng cho các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu của Chính phủ, giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Bắt đầu những tháng cuối quí II và quí III, tôm nuôi công nghiệp vào mùa thu hoạch, lượng tôm nguyên liệu tăng, làm giảm áp lực cạnh tranh thu mua nguyên liệu đầu vào trong thời gian này.

+ Các Xí nghiệp trực thuộc đã được đầu tư, nâng cấp, mở rộng nhà xưởng và trang thiết bị công nghệ cơ bản hoàn thiện và đạt các tiêu chuẩn quốc tế (HACCP, ISO 9001 : 2000, BRC…) đáp ứng sản xuất đa dạng sản phẩm, kể cả các sản phẩm cao cấp cung ứng cho tất cả các thị trường, điều đó giúp tăng được sức cạnh tranh và mang lại hiệu quả cao hơn khi thị trường có chuyển biến tích cực.

+ Công tác quản lý, cơ cấu bộ máy tổ chức,… cơ bản đã được sắp xếp và tổ chức hoạt động ổn định, hiệu quả.

+ Luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên và sát sao của Hội đồng quản trị Công ty bằng những định hướng, giải pháp thực tế, thông qua các Nghị quyết của kỳ họp HĐQT trong năm, giúp Ban Tổng Giám đốc điều hành linh hoạt hơn trong từng thời điểm nhất định.

Khó khăn :

+ Nguồn nguyên liệu phục vụ cho sản xuất trong những tháng đầu năm rất khan hiếm, nhất là tôm sú, do sản lượng giảm, mùa vụ tôm nuôi trong năm 2009 là khá ngắn, lại cung ứng dàn trải cho quá nhiều nhà máy chế biến mới thành lập, dẫn đến cạnh tranh thu mua nguyên liệu rất quyết liệt. Sản lượng chế biến cả năm đạt quá thấp so với quy mô, năng lực sản xuất và kế hoạch đề ra, làm cho mức định phí trên mỗi đầu tấn thành phẩm tăng khá cao.

+ Tình hình kinh tế trong nước phục hồi chưa ổn định, thị trường chứng khoán liên tục biến động, tạo tâm lý e ngại của các nhà đầu tư, làm cho việc phát hành cổ phiếu thu hút nguồn vốn phục vụ cho các dự án đầu tư của Công ty chưa thực hiện được. Có thể đánh giá đây là khó khăn lớn nhất của Công ty trong năm qua, làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD chung của Công ty.

+ Tình hình kinh tế thế giới trong năm qua tiếp tục lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng, tuy có dấu hiệu phục hồi trong những tháng cuối năm, nhưng chưa rõ nét, làm cho nhu cầu tiêu thụ hàng Thủy sản giảm mạnh, nhất là con tôm, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lượng hàng tồn kho và tổng số dư nợ Ngân hàng bình quân trong cả năm luôn ở mức cao cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

+ Cạnh tranh về lao động trên cả 02 lĩnh vực : Lao động trí óc và lao động chân tay trong nội tại ngành Thủy sản tỉnh Cà Mau cũng như các tỉnh lân cận đang diễn ra gay gắt, hiện tại tình hình tuyển dụng lao động trực tiếp sản xuất đang gặp rất nhiều khó khăn, nhân sự cấp cao phục vụ cho việc mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty cũng đang bị thiếu hụt, nhất là bộ phận tham mưu về kinh doanh.

+ Các dự án đầu tư lớn như: Nhà máy chế biến Thủy sản An Phước thì đang trong giai đoạn thi công xây dựng; Liên doanh kho lạnh Lotte - Sea mới đưa vào hoạt động cuối tháng 06/2009 nên chưa phát huy được hiệu quả; Phân xưởng Surimi tại Xí nghiệp chế biến thủy sản Sông đốc tuy đã chính thức hoạt động, nhưng trong năm 2009 do nhiều nguyên nhân: Giá và thị trường tiêu thụ, nguồn nguyên liệu, thiếu lực lượng lao động sản xuất... nên sản lượng đạt rất thấp so với công suất thiết kế, nên cũng chưa phát huy được hiệu quả. Vốn đầu tư lớn đồng nghĩa với việc chi phí lãi vay tăng cao, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị bỏ vốn đầu tư - Seaprimexco.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Seaprimexco là một trong những Công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu Việt Nam. Hiện tại, Công ty có một số khách hàng truyền thống tại các nước: Nhật, Mỹ, EU, Canada, Hàn Quốc… Tổng kim ngạch xuất khẩu mỗi năm đạt trên dưới 40 triệu USD.

Hiện tại, tôm đông lạnh là sản phẩm chủ lực của Công ty và hiện nằm trong danh sách 10 công ty có kim ngạch xuất khẩu tôm đông lạnh lớn nhất Việt Nam.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nhu cầu tiêu thụ thủy sản trên thế giới ngày một tăng cao do một số quy định về việc đánh bắt và khai thác nguồn lợi thủy sản bị hạn chế. Đây là một trong những cơ hội tốt cho những nước có điều kiện tự nhiên thuận lợi trong việc nuôi trồng thủy sản.

Trong thời gian qua, Việt Nam đã không ngừng tăng trưởng về việc nuôi trồng cũng như xuất khẩu thủy sản. Từ 1996 đến nay, xuất khẩu thuỷ sản liên tục tăng trưởng.Việt Nam hiện đang là nước có sản lượng khai thác thủy sản đứng thứ 3 thế giới và là một trong 10 nước xuất khẩu mạnh nhất thế giới.

Ngày 25 tháng 10 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 242/2006/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển xuất khẩu thuỷ sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Mục tiêu xuất khẩu thuỷ sản đến năm 2010, VN phấn đấu đạt giá trị 4 - 4,5 tỷ USD.

Định hướng đến năm 2020, chế biến XKTS tiếp tục là động lực thúc đẩy phát triển nuôi trồng thuỷ sản, khai thác thuỷ sản và mang lại nhiều lợi ích kinh tế ngành, nâng cao thu nhập và đời sống cho lao động nghề cá. Đối với cơ cấu sản phẩm, tập trung nâng cao sản lượng nuôi các loài, đặc biệt là cá tra, basa đạt 800.000-850.000 tấn năm 2010, đảm bảo phục vụ cho xuất khẩu 230.000 tấn sản phẩm. Tôm cũng được dự kiến đạt khoảng 483 nghìn tấn nguyên liệu để phục vụ cho xuất khẩu khoảng 390.000 tấn năm 2010. Cá rô phi sẽ được phát triển, nâng sản lượng đạt khoảng 200.000 tấn nguyên liệu phục vụ xuất khẩu khoảng 130.000 - 150.000 tấn. Cá ngừ được xác định là loài xuất khẩu giá trị cao, phấn đấu nâng cao sản lượng khai thác lên 50.000 tấn năm 2010, nhằm đạt 45.000 tấn sản phẩm xuất khẩu.

Bước vào giai đoạn hội nhập WTO cùng với nhu cầu tiêu thụ thuỷ sản đang có xu hướng tăng mạnh ở các nước châu Âu và một số thị trường khác, đây thực sự là cơ hội để ngành thủy sản Việt Nam còn phát triển mạnh hơn nữa.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tính đến thời điểm ngày 31/08/2011, tổng số lao động của Công ty là: 1.009 người

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN CHIA THEO TRÌNH ĐỘ

Nguồn: Seaprimexco

Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	**1009**	**100**
- Đại học và trên đại học	66	6.54
- Cao đẳng, trung cấp	116	11.50
- Đã đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề	67	6.64
- Lao động chưa qua đào tạo	760	75.32
Tổng cộng:	**1009**	**100**
- Lao động gián tiếp	121	11.99
- Lao động trực tiếp	888	88.01

9.2. Chính sách đối với người lao động

Con người là một trong những nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và nâng cao năng lực cạnh tranh của bất kỳ một tổ chức nào. Đối với Seaprimexco, lao động được xem là nguồn tài nguyên, là nguồn lực hàng đầu cho quá trình tăng trưởng và phát triển. Vì vậy, Công ty luôn có chính sách đãi ngộ và chú trọng tới nguồn lực của mình bằng những chính sách lương hấp dẫn,

có sự khen thưởng và động viên kịp thời, tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, tính năng động và thường xuyên mở các lớp đào tạo nhân viên quản lý để kế thừa và chuẩn bị cho sự mở rộng sản xuất kinh doanh trong tương lai, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

a. Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc, nhà xưởng được thiết kế khang trang, thoáng mát. Lực lượng lao động trực tiếp của Công ty được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

b. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Quy trình tuyển dụng của Công ty bắt nguồn từ nhu cầu lao động của các bộ phận, Trưởng bộ phận lập yêu cầu về các chỉ tiêu tuyển dụng và chuyển lên Phòng tổ chức hành chánh tổng hợp và tổ chức tuyển dụng. Hằng năm Công ty thực hiện quy trình đánh giá năng lực cán bộ để tạo sự cạnh tranh nội tại trong từng bộ phận và thông qua đó tạo nguồn cán bộ để thực hiện chính sách thăng tiến nội bộ nhằm bù đắp những khó khăn trong tuyển dụng nhân sự cấp cao.

Căn cứ yêu cầu liên tục cải tiến của hệ thống, hằng năm Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài để cập nhật và nâng cao trình độ cho cán bộ và công nhân lao động theo yêu cầu của các bộ phận.

c. Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động

Công ty chi trả tiền lương dựa trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng, thông qua việc tham khảo mặt bằng lương của các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề trong khu vực. Đối với cán bộ cấp cao, Công ty trả lương theo phương thức khoán mức lương tối thiểu và sẽ được tăng lên từng mức tương ứng với mức tăng sản lượng sản xuất và tiêu thụ hằng tháng. Đối với nhân viên lao động gián tiếp, Công ty xây dựng quy chế trả lương khoán cho từng vị trí công việc, mỗi vị trí công việc có nhiều mức lương và được lãnh đạo bộ phận xét hằng tháng và gửi về bộ phận tiền lương tổng hợp trình Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, Công ty thực hiện chi trả lương theo sản phẩm.

Hằng năm Công ty tổ chức bình xét khen thưởng A,B,C theo tiêu chí ngày công ; năng suất, mức độ hoàn thành công việc ; khối lượng, hiệu quả công việc và thực hiện khen thưởng thỏa đáng cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, nhất là cán bộ cấp cao nhằm động viên và thu hút những người có năng lực.

Các khoản phúc lợi được Công ty trích xây dựng nhà tập thể và bán ưu đãi cho cán bộ và công nhân lao động tùy thuộc theo chức vụ và thâm niên, xây dựng nhà tập thể cho công nhân, ngoài ra còn xây dựng nhà ăn phục vụ bữa ăn giữa ca, trong đó Công ty hỗ trợ trên 2/3 chi phí bữa ăn

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo.

Tỷ lệ trả cổ tức hằng năm (2007-2009):

Năm 2007: trả cổ tức 7,69% bằng tiền mặt ; chia cổ phiếu thường từ nguồn thặng dư vốn với tỷ lệ thưởng 50 %

Năm 2008 : không có chia cố tức . Do KQKD lỗ .

Năm 2009: không có chia cố tức . Do KQKD lỗ .

Năm 2010: không có chia cố tức . Do KQKD lỗ .

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

a. Trích khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá: là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

***Phương pháp khấu hao*:** Khấu hao tài sản cố định được tính dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, thời gian khấu hao tài sản cố định dựa vào thời gian quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ – BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003. Thời gian khấu hao ước tính cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 - 40 năm

Máy móc, thiết bị	:	03 - 20 năm
Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn	:	06 - 15 năm
Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	:	03 - 12 năm
Tài sản cố định khác	:	03 – 09 năm

Mức lương bình quân

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Đến tháng 8/2011
Thu nhập bình quân	1,680,986	2,103,402	2,726,662	2,799,323

Nguồn: Seaprimexco

b. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các Báo cáo kiểm toán năm 2009-2010, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

c. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân theo quy định của Pháp luật.

d. Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc niên độ tài chính, Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ dự phòng tài chính; Quỹ khen thưởng; phúc lợi; thù lao, khen thưởng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm và mục tiêu phát triển của Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty. Trước khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung vốn điều lệ, Công ty tạm thời sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

e. Tình hình công nợ hiện nay đến thời điểm 30/06/2011:

Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2009		Năm 2010		Quý II/2011	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu khách hàng	26,531	-	38,464	-	28,520	-

Trả trước cho người bán	20,782	-	1,294	-	1,558	-
Các khoản phải thu khác	801	-	624	-	5,826	-
Dự phòng phải thu khó đòi	(23)	-	(790)	-	(790)	-
Phải thu nội bộ	-	-	-	-	2,989	-
Tổng cộng	**48,091**	**-**	**39,592**	**-**	**38,104**	**-**

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2009, 2010; BCTC chưa hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 - Seaprimexco)

Các khoản phải trả

Đơn vị tính:triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2009		Năm 2010		Quý II/2011	
	Tổng số		Tổng số		Tổng số	
NỢ NGẮN HẠN						
Vay và nợ ngắn hạn	333,946	-	240,149	-	249,586	-
Phải trả người bán	25,198	-	21,427	-	15,383	-
Người mua trả tiền trước	1,822	-	589	-	1,671	-
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	198	-	773	-	210	-
Phải trả công nhân viên	3,232	-	6,016	-	3,855	-
Chi phí phải trả	668	-	1,178	-	38	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,554	-	4,349	-	1,986	-
Quỹ khen thưởng	54	-	2,416	-	1,553	-
NỢ DÀI HẠN						
Vay và nợ dài hạn	-	-	102,646	-	6,976	-
Phải trả dài hạn khác	41,008	-	520	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	162	-	124	-
Tổng cộng	**408,742**	**-**	**380,224**	**-**	**325,630**	**-**

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2009, 2010; BCTC chưa hợp nhất 6 tháng đầu năm 2011 - Seaprimexco)

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0.73	0.60
- Hệ số thanh toán nhanh	0.37	0.20
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	80.8%	82.17%
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	420.6%	551.78%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	298	5.41
- Vòng quay tài sản cố định	2.19	1.44
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-1.5%	-1,57%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-7.1%	-16%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-1.4%	-2.38%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0.1%	-1.57%

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2009, 2010 - Seaprimexco)

Hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán :

Thời gian hàng tồn kho bình quân của Công ty Cổ phần Thủy Sản Cà Mau có khuynh hướng gia tăng trong thời gian tới do thị trường xuất khẩu chủ yếu của Công ty là Mỹ và EU,những quốc gia đang trong tình trạng chưa phục hồi hoàn toàn sau cuộc khủng hoảng toàn cầu. Thêm vào đó, khoản phải thu ngắn hạn của Công ty đang có khuynh hướng giảm dần từ 58 tỷ từ năm 2007 xuống còn 48 tỷ trong năm 2009. Điều này đã tác động không nhỏ đến khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty, khả năng này liên tục ở mức thấp trong những năm qua.

Khả năng sinh lời

Tỷ lệ sinh lời trên tài sản và vốn chủ sở hữu của Công ty có khuynh hướng giảm trong năm 2009 và 2010. Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản của Công ty tăng từ mức -1.4% năm 2009 xuống -2.38% năm 2010. Và tỷ lệ này đối với Vốn chủ sở hữu giảm từ -7.1% xuống -16%. Điều này đã cho thấy hoạt động của Công ty chưa được cải thiện mạnh kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và các khó khăn đến từ nền kinh tế trong nước và thế giới trong năm 2009, 2010.

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

a. *Chủ tịch HĐQT - Ông Bùi Nguyên Khánh*

1. Họ và tên : Bùi Nguyên Khánh
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 14/05/1960
4. Nơi sinh : Thống Nhất, Đồng Nai
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : Châu Thành, Trà Vinh
8. Địa chỉ thường trú : 46 D Chung cư Bình Thới, Quận 11, TP.HCM.
9. Điện thoại liên lạc: (84 - 0780) 3831615
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế Tài chính – Ngoại thương
12. Quá trình công tác :

- 1983 - 1984 : Kế toán Cty XNK Tỉnh Cửu Long.
- 1984 - 1987 : Nhân viên, Phó phòng, Trưởng phòng kế hoạch Cty XK Thủy sản Minh Hải.
- 1987 - 1990 : Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Cty Liên hiệp Thủy sản Vùng I, Minh Hải.
- 1990 - 2004 : Trưởng phòng, Phó Giám đốc, Giám đốc Cty XNK Thủy sản Minh Hải.
- 2004 - nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty CP Thủy sản Cà Mau.

13. Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Cty CP Thủy sản

14. Số cổ phần đang sở hữu: 1.572.000 cổ phần
15. Trong đó:
    + Cổ phần đại diện Nhà nước: 792.000 cổ phần
    + Cổ phần sở hữu cá nhân: 780.000 cổ phần
16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

b. *Phó chủ tịch HĐQT - Ông Huỳnh Nhật Vũ*

1. Họ và tên : Huỳnh Nhật Vũ.
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 13/12/1977
4. Nơi sinh : TP.HCM
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : TP.HCM
8. Địa chỉ thường trú : 144 Nguyễn Văn Cừ , Quận 1, TP.HCM.
9. Điện thoại liên lạc ở cơ quan :
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Đại học Quản trị kinh doanh.
12. Quá trình công tác : Công ty Điện lạnh Sài gòn - Trách nhiệm hữu hạn.
13. Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng phòng Kế hoạch.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu : 570.457 cổ phần

c. *Thành viên HĐQT - Bà Phan Thị Ngọc Ánh*

1. Họ và tên : Phan Thị Ngọc Ánh
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày, tháng, năm sinh : 15/09/1958
4. Nơi sinh : Trà Vinh
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh

7. Quê quán : Bình Dương
8. Địa chỉ thường trú : 46 D Chung cư Bình Thới, Q 11, TP.HCM.
9. Điện thoại liên lạc: (84 - 0780) 3831615
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Kỹ thuật viên/Kiểm nghiệm
12. Quá trình công tác :

- 1982 - 2004 : Phục vụ trong ngành Y.
- 2004 - nay : Phó Giám đốc Cty CP Thủy sản Cà Mau.

13. Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Cty CP Thủy sản Cà Mau.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu : 600.000 cổ phần

d. *Thành viên HĐQT - Ông Ngô Kinh Lý*

1. Họ và tên : Ngô Kinh Lý
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 12/11/1969
4. Nơi sinh : TP.HCM
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : TP.HCM
8. Địa chỉ thường trú : 158/6 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, TP. HCM.
9. Điện thoại liên lạc : 0909 666349
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Ngoại thương
12. Quá trình công tác :
13. 1992 - 2003 : Cán bộ, Trưởng VPĐD tại TP.HCM Công ty XNK Thủy sản Minh Hải.
14. 2003 - nay : Phó Giám đốc Công ty TNHH Lợi Phát.
15. Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT Seaprimexco, Phó Giám đốc Công ty

16. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
17. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
18. Số cổ phần đang sở hữu : 105.300 cổ phần

đ. *Thành viên HĐQT - Ông Bùi Thế Hùng*

1. Họ và tên: Bùi Thế Hùng
2. Giới tính: Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh: 01/07/1969
4. Nơi sinh: Long Khánh - Đồng Nai
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : Đồng Nai
8. Địa chỉ thường trú : 21/2 Lâm Thành Mậu Phường 4, TP. Cà Mau.
9. Điện thoại liên lạc: (84 - 0780) 3831615
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn: Đại Học Kinh Tế
12. Quá trình công tác :

- 1992 - 1999 : Cán bộ công nhân viên Công ty Camimex.
- 1999 - 2004 : Cán bộ công nhân viên Công ty Seaprimexco.
- 2004 - nay : Cán bộ công nhân viên Công ty Seaprimexco.

13. Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị Seaprimexco.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu : 90.000 cổ phần

e. *Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Hồng Đức*

1. Họ và tên : Nguyễn Hồng Đức
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 28/7/1959
4. Nơi sinh : Đồng Tháp
5. Quốc tịch : Việt Nam

6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : Đồng Tháp
8. Địa chỉ thường trú : A4-15 Hưng Thái, Tân Phong, Quận 7, TP.HCM
9. Điện thoại liên lạc : 0903 804993
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Quản Trị Kinh Doanh
12. Quá trình công tác :

- 1993 - 2003: Phó Giám đốc Công ty TNHH SX và TM Hải Thanh
- 2003 - nay: Giám đốc Công ty TNHH TP XK Hai Thanh

13. Chức vụ công tác hiện nay :

* Thành viên HĐQT Seaprimexco
* Giám đốc Công ty TNHH TP XK Hai Thanh

14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu : 319.140 cổ phần

f. *Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Ngọc Huy*

1. Họ và tên : Nguyễn Ngọc Huy
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 22/5/1970
4. Nơi sinh : Ninh Thuận
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : Ninh Thuận
8. Địa chỉ thường trú : 108 đường số 7, khu dân cư Trung Sơn, xã Bình Hưng, Bình chánh, TP.HCM
9. Điện thoại liên lạc :
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ Kinh tế tài chính
12. Quá trình công tác :

- 2000 - 2001: Công ty CP Viễn Thông Việt Khang, TP.HCM
- 2002 - nay: Thành lập và điều hành hoạt động DNTM Dịch vụ Thảo

Sơn tại Ninh Thuận

- 2009 - 2010: Trưởng bộ phận đầu tư tài chính Cty CP đầu tư địa ốc Đại Việt, TP.HCM.
- 2010 – nay: Giảng viên Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường đại học Kinh tế luật TP.HCM.

13. Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT Seaprimexco
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu : Không

e. *Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Văn Khánh*

1. Họ và tên : Nguyễn Văn Khánh
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 14/8/1982
4. Nơi sinh : Long An
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : Long An
8. Địa chỉ thường trú : 357/14 CMT8, phường 12, Quận 10, TP.HCM
9. Điện thoại liên lạc : 0909 929079
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế - Tài chính Ngân hàng
12. Quá trình công tác :

- 2006 - Nay: Phó phòng tư vấn, Trưởng phòng tư vấn Cty CP CK Bảo Việt.

13. Chức vụ công tác hiện nay :

* Thành viên HĐQT Seaprimexco
* Trưởng phòng tư vấn Cty CP CK Bảo Việt.
* Thành viên HĐQT Công ty Vĩnh Hoàn.

14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu (đại diện): 975.000 cổ phần

12.2. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

a. Trưởng Ban Kiểm soát - Ông Huỳnh Văn Út:

1. Họ và tên : Huỳnh Văn Út
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 15/03/1951
4. Nơi sinh : Huyện Vĩnh Lợi – Tỉnh Bạc Liệu
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
8. Địa chỉ thường trú : 224 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, TP. Cà Mau.
9. Điện thoại liên lạc: (84 - 780) 3831615
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Kế toán Công Nghiệp
12. Quá trình công tác :

- 1977 - 1981 : Kế toán trưởng Công ty giống cây trồng Tỉnh Minh Hải.
- 1985 - 1998 : Phó phòng Tài vụ kiêm thanh tra Công ty XNK Thủy sản Minh Hải.
- 1999 - 2000 : Phó Giám đốc Xí nghiệp CB.MHM, Công ty XNK Thủy sản Minh Hải.
- 2001 - 2004 : Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Công ty XNK Thủy sản Minh Hải.
- 2004 - nay : Trưởng Ban giám sát, Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Thủy sản Cà Mau.

13. Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban giám sát, Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ Phần Thủy sản Cà Mau.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu : 4.804 cổ phần

b. Thành viên Ban Kiểm soát - Ông Nguyễn Viết Luận:

1. Họ và tên : Nguyễn Viết Luận.
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 1977
4. Nơi sinh : TP.HCM
5. Quốc tịch : Việt Nam

6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : TP.HCM
8. Địa chỉ thường trú : 68 Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
9. Điện thoại liên lạc : 0903.738372
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính Kế toán.
12. Quá trình công tác :

- 1999 - 2000 : Kế toán bán hàng Cửa hàng kinh doanh thiết bị viễn thông.
- 2000 - 2002 : Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Viễn liên.
- 2002 - 2003 : Nhân viên kế toán Công ty Bút bi Bến nghé.
- 2003 - 2007 : Chuyên viên Tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh TP.HCM.
- 2007 - nay: Phó trưởng phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh TP.HCM

13. Chức vụ công tác hiện nay : Phó phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Chi nhánh Công ty CPCK Bảo Việt.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu : 0 cổ phần

c. Thành viên Ban Kiểm soát - Ông Trần Trọng Tài:

1. Họ và tên : Trần Trọng Tài .
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 1980
4. Nơi sinh : TP.Cà Mau
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : TP.Cà Mau
8. Địa chỉ thường trú : 97A Lý Văn Lâm, phường 1, TP.Cà Mau.
9. Điện thoại liên lạc :
10. Trình độ văn hóa : 12/12

11. Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính tín dụng.
12. Quá trình công tác :

- 2005 - nay: Làm tại Công ty cổ phần thủy sản Cà Mau

13. Chức vụ công tác hiện nay : Phó phòng nghiệp vụ kinh doanh.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu : 0 cổ phần

12.3. Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

a. Tổng Giám đốc - Ông Bùi Nguyên Khánh

Lý lịch trình bày tại phần 12.1. a. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

b. Phó Tổng Giám đốc – Bà Phan Thị Ngọc Ánh

Lý lịch trình bày tại phần 12.1. c. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

c. Phó Tổng Giám đốc – Ông Tô Tần Hoài:

1. Họ và tên : Tô Tần Hoài
2. Giới tính : Nam
3. Ngày, tháng, năm sinh : 14/08/1968
4. Nơi sinh : Huyện Vĩnh Lợi – Tỉnh Bạc Liệu
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : Huyện Vĩnh Lợi – Tỉnh Bạc Liệu
8. Địa chỉ thường trú : Phường 8, TP. Cà mau .
9. Điện thoại liên lạc: (84 - 780) 3831615
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Đại học Bách khoa - Khoa Hóa kỹ thuật thực phẩm
12. Quá trình công tác :

- 1992 - 2004 : Công tác tại công ty xuất nhập khẩu Minh Hải.
- 2004 - nay : Công ty Cổ Phần Thủy sản Cà Mau.

13. Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng Giám đốc .
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu : Không

d. Kế toán trưởng - Bà Nguyễn Hồng Phượng

1. Họ và tên : Nguyễn Hồng Phượng
2. Giới tính : Nữ
3. Ngày, tháng, năm sinh : 23/11/1961
4. Nơi sinh : Cà Mau
5. Quốc tịch : Việt Nam
6. Dân tộc : Kinh
7. Quê quán : Huyện Trần Văn Thời, Tỉnh Cà Mau
8. Địa chỉ thường trú : 53 Phan Đình Phùng, Phường 2, TP. Cà Mau.
9. Điện thoại liên lạc: (84 – 780) 3831615
10. Trình độ văn hóa : 12/12
11. Trình độ chuyên môn : Đại học Kinh tế, Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.
12. Quá trình công tác:

- 1985 - 1990 : Nhân viên kế toán, Phó phòng kế toán Công ty vật tư kỹ thuật Thị xã Cà Mau.
- 1990 - 1996 : Kiểm soát viên thuế, Chi cục thuế Thị xã Cà Mau.
- 1996 - 2004 : Nhân viên kế toán, Phó phòng kế toán Công ty XNK Thủy sản Minh Hải.
- 2004 - nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Thủy sản Cà Mau.

13. Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng.
14. Hành vi vi phạm pháp luật : Không
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không
16. Số cổ phần đang sở hữu : 6.262 cổ phần

b. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2011

Đơn vị tính:triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I.	**Tài sản cố định hữu hình**	113,767	48,332	65,435
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	33,982	8,660	25,322

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
2	Máy móc thiết bị	70,524	34,619	35,905
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7,888	4,187	3,701
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	165	103	62
5	Tài sản cố định HH khác	1,208	763	445
II.	**Tài sản cố định vô hình**	283	93	190
1	Phần mềm vi tính	123	93	30
Tổng cộng		**114,050**	**48,425**	**65,625**

Nguồn: Seaprimexco

- **Tình hình sử dụng đất đai:**

Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng: 48.123,30 m^2

+ Diện tích đất thuê:

Nguồn: Seaprimexco

Địa điểm	Diện tích	Loại đất	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê
Số 08, Cao Thắng, Phường 08, Tp. Cà Mau	11.364 m^2	Xây dựng nhà máy đông lạnh	Xây dựng nhà máy đông lạnh	Lâu dài
Số 08, Cao Thắng, Phường 08, Tp. Cà Mau	1.308,40 m^2	Xây dựng	Xây dựng trụ sở làm việc công ty	Lâu dài
Khóm 04, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau	13.277,60 m^2	Xây dựng nhà máy đông lạnh	Xây dựng nhà máy đông lạnh	49 năm
Khóm 07, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	17.511 m^2	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	Xây dựng nhà máy đông lạnh	49 năm
Khóm 07, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	4.662,3 m^2	Xây dựng	Xây dựng nhà ở tập thể công nhân	49 năm
Tổng số	**48.123,30 m^2**			

+ Diện tích đất giao:

Địa điểm	Diện tích	Loại đất	Mục đích sử dụng
Khóm 07, Phường 8, Tp. Cà Mau	80 m^2	Đất ở	Xây dựng nhà ở
Tổng số	**80 m^2**		

c. Kế hoạch về doanh thu lợi nhuận giai đoạn 2011 -2014

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	KH 2011	KH 2012	KH 2013	KH 2014
Doanh thu thuần	687,138	790,208	908,739	1,045,050
Giá vốn hàng bán	621,528	711,183	813,771	931,157
Lợi nhuận gộp	65,610	79,025	94,968	113,893
Chí phí kinh doanh	47,405	51,790	56,581	61,814
- chi phí quản lý	20,228	22,099	24,143	26,376
- chi phí bán hàng	27,178	29,691	32,438	35,438
- chi phí khác				
Lợi nhuận từ h/đ kinh doanh	18,205	27,235	38,388	52,079
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(15,254)	(17,016)	(18,982)	(21,174)
Lợi nhuận từ hoạt động bất thường	3,655	4,203	4,834	5,559
Lợi nhuận trước thuế	6,606	14,422	24,240	36,463
Thuế TNDN	1,651	3,606	6,060	9,116
Lợi nhuận sau thuế	4,954	10,817	18,180	27,348
Cổ tức dự kiến	1,105	1,216	1,641	2,468

Nguồn: Seaprimexco

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Nguồn nguyên liệu thuỷ sản, nhất là nguyên liệu tôm các loại sẽ ngày một nhiều hơn do nhiều tỉnh có lợi thế quy hoạch mở rộng diện tích nuôi, kết hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ nên sản lượng ổn định và tăng lên, góp phần ổn định nguyên liệu cho các Xí nghiệp sản xuất.

Các Xí nghiệp trực thuộc đã được đầu tư, nâng cấp, mở rộng nhà xưởng và trang thiết bị công nghệ cơ bản hoàn thiện và đạt các tiêu chuẩn quốc tế (HACCP ; ISO 9001 : 2008 ; ISO

22000 : 2005 ; BRC ; GMP ; HALAL…) đáp ứng sản xuất đa dạng sản phẩm, kể cả các sản phẩm cao cấp cung ứng cho tất cả các thị trường, điều đó giúp tăng được sức cạnh tranh và mang lại hiệu quả cao hơn.

Cuộc khủng hoảng kinh tế dần được hồi phục, kinh tế thế giới bắt đầu phát triển trở lại, nhu cầu tiêu thụ hàng Thủy sản trên thị trường thế giới có dấu hiệu tăng dần trở lại đây là tín hiệu khả quan rất quan trọng cho những năm tới.

Công ty có nhiều khách hàng truyền thống, thị trường tiêu thụ ổn định là cơ sở để đẩy nhanh vòng quay vốn nhằm mang lại hiệu quả cao hơn.

Công tác quản lý, cơ cấu bộ máy tổ chức,… cơ bản đã được sắp xếp và tổ chức hoạt động ổn định, hiệu quả.

Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn tới:

Là một trong những công ty hàng đầu của Việt Nam về chế biến và xuất khẩu thủy sản, mục tiêu hàng đầu của Công ty là giữ vững vị trí hiện tại và tiếp tục phát triển hơn nữa để trở thành 1 trong những công ty hàng đầu Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này, Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm, lấy chất lượng sản phẩm làm tiền đề cho việc quảng bá thương hiệu và chiến lược Marketing lâu dài, tăng thêm 15 - 20% số lượng khách hàng tiêu thụ hàng năm, đa dạng hóa các sản phẩm và đưa thêm những sản phẩm mới vào hoạt động sản xuất kinh doanh đó là Surimi, cá tra, basa đông lạnh. Ngoài ra, Công ty còn tiến hành xây dựng hệ thống điều hành xuyên suốt từ trên xuống dưới, xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro, tiếp tục nâng cao trình độ cho các nhân viên để sẵn sàng đáp ứng khi Công ty mở rộng quy mô hoạt động của mình.

d. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh là một chi nhánh của Công ty cổ phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ Phần Thủy sản Cà Mau. Kế hoạch lợi nhuận của công ty đưa ra cho những năm tới là phù hợp với kết quả đã đạt được trong quá khứ và cũng phù hợp với tình hình phát triển của ngành thủy sản nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.

Trong những năm gần đây, Việt Nam được đánh giá là một nền kinh tế năng động và phát triển vào bậc nhất của khu vực. Dựa vào tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của Việt Nam

trong những năm qua và căn cứ vào dự báo khá lạc quan của Ủy Ban Kinh Tế và Xã Hội khu vực Châu Á – Thái Bình Dương thì tiềm năng phát triển của ngành thủy sản là rất lớn.

Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng đến công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà công ty đề ra là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức hàng năm của công ty đảm bảo được mức cổ tức cho các cổ đông cũng như mục tiêu mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty.

Mọi ý kiến trên đây được Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra dưới góc độ là nhà tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

e. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán: không có

f. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến việc chào bán: Không có

VI. Thông tin về việc bán đấu giá cổ phần

1. Những thông tin cơ bản về việc đấu giá

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
- Tên tiếng Anh : SEAPRIMEXCO - VIETNAM
- Tên viết tắt : SEAPRIMEXCO
- Trụ sở : 8 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
- Điện thoại : (84-780) 3831615 - 3831230 Fax: (84-780) 3831861
- Vốn điều lệ đăng ký : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).
- Vốn đã góp : 97.485.790.000 đồng *(Chín mươi bảy tỷ, bốn trăm tám mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng)*
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phiếu chào bán: 792.000 cổ phần (Tương đương 8.12% vốn điều lệ)
- Tổng giá trị chào bán : 7.920.000.000 . đồng

- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần
- Hình thức chào bán: Bán đấu giá công khai

2. Mục đích của việc chào bán

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty nhằm cơ cấu danh mục đầu tư theo chủ trương thoái vốn đầu tư của SCIC tại các doanh nghiệp mà SCIC không cần giữ cổ phần. Việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau chỉ làm thay đổi tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông mà không làm thay đổi mức vốn điều lệ đã đăng ký.

3. Địa điểm công bố thông tin

- **Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau**

8 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại: (84-780) 3831615 – 3831230 Fax: (84-780) 383186

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3915 2930 Fax: (84.8) 3915 2931

Website: www.vise.com.vn

4. Đăng ký mua cổ phần

4.1. Đối tượng, điều kiện tham gia đấu giá

- ***Đối tượng tham gia***

Các tổ chức, cá nhân đầu tư trong và ngoài nước, có địa chỉ cụ thể rõ ràng và:

- *Nếu là cá nhân*: phải có chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu.
- *Nếu là tổ chức*: phải có bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; trường hợp người đại diện không phải là người đại diện theo pháp luật của tổ chức, thì phải có giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.
- *Nếu là nhà đầu tư nước ngoài*: ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước, còn phải có tài khoản tiền gửi mở tại một Ngân hàng được phép kinh doanh ngoại hối và phải xuất trình giấy xác nhận của Ngân hàng Nhà nước về việc mở tài khoản khi nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá.

- ***Điều kiện tham gia***

Có đơn đăng ký tham gia đấu giá theo đúng mẫu và nộp đơn đăng ký đấu giá đúng thời hạn quy định. Đặt cọc đủ 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo mức giá khởi điểm do Ban

đấu giá công bố cùng thời điểm nộp Đơn đăng ký đấu giá.

- ***Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài***

  - Theo khoản 1 Điều 13 Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp 2005, nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần với mức không hạn chế tại Công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần niêm yết.

  - Theo khoản 1 Điều 2 Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần với mức hạn chế tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

4.2. Thời gian, địa điểm nộp tiền cọc và đơn đăng ký tham gia đấu giá

- Nhà đầu tư nhận đơn hoặc trực tiếp in mẫu đơn đăng ký tham gia đấu giá tại Tổ chức bán đấu giá cổ phần hoặc tại Tổ chức phát hành theo các địa điểm và địa chỉ website nêu bên dưới.
- Nộp tiền đặt cọc: Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm. Tiền đặt cọc nộp bằng đồng Việt Nam, bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, vào tài khoản của Tổ chức bán đấu giá hoặc bằng tiền mặt tại Tổ chức phát hành. Tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi.

  - **Đăng ký tham dự đấu giá qua Tổ chức bán đấu giá:**
    - CN Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam – Tại TP.HCM
    - Địa chỉ: số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM
    - Website: www.vise.com.vn
    - Tài khoản số 14011 485 102 8243 tại Eximbank Sài Gòn
    - Nội dung: Nộp tiền cọc đấu giá mua cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
  - **Đăng ký tham dự đấu giá qua Tổ chức phát hành:**
    - Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.
    - Địa điểm: 8 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
    - Điện thoại: (84-780) 3831615 – 3831230 Fax: (84-780) 383186
- Nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá: Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào đơn đăng ký tham gia đấu giá và nộp tại địa điểm làm thủ tục đăng ký đồng thời phải xuất trình:

- **Đối với cá nhân trong nước:**
  - CMND hoặc hộ chiếu. Trường hợp nhận uỷ quyền, phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc mẫu đính kèm quy chế này.
  - Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc;
- **Đối với tổ chức trong nước:**

  Ngoài quy định như đối với cá nhân trong nước, tổ chức trong nước còn phải nộp thêm:
  - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ khác tương đương;
  - Giấy uỷ quyền cho đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức;
- **Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài:**

  Ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước, cá nhân và tổ chức nước ngoài còn phải xuất trình giấy xác nhận của Ngân hàng nhà nước về việc mở tài khoản tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

- Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và đặt cọc:
  - **Thời gian làm thủ tục đăng ký:**

    Nhà đầu tư chỉ được đăng ký và đặt cọc để tham gia đấu giá từ **8h00 ngày 09/11/2011 đến 16h00 giờ ngày 06/12/2011**.
  - **Địa điểm đăng ký:**
    - Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

      Địa chỉ: 8 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
    - CN Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam – Tại TP. HCM

      Địa chỉ: số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM.

  Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp phiếu tham dự đấu giá.

  Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp hủy đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá theo mẫu quy định của Tổ chức bán đấu giá.Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá.

5. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá

5.1. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ:

- Phiếu do tổ chức bán đấu giá cấp (bản chính).
- Có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu.
- Đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định, phiếu không được tẩy xoá hoặc rách nát.
- Giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm.
- Tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký.
- Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

5.2. Bỏ phiếu kín theo đúng thời hạn quy định như sau:

Nhà đầu tư bỏ phiếu kín theo đúng thời hạn quy định như sau:

Bỏ trực tiếp vào thùng phiếu tại Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau trước 15h00 ngày 12/12/2011.

Gửi qua bưu điện: Ban tổ chức đấu giá nhận được chậm nhất 16h00 ngày 08/12/2011 tại Chi nhánh Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam tại TP.HCM, Địa chỉ: số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM.

Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Ban Tổ chức đấu giá nhận phiếu tham dự đấu giá ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

Trường hợp phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa: Nhà đầu tư phải yêu cầu đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

Trường hợp nhà đầu tư mất phiếu: Nhà đầu tư phải làm đơn (theo mẫu quy định) đề nghị cấp lại phiếu mới chậm nhất là 15 phút trước khi kết thúc thời gian bỏ phiếu và phiếu cũ coi như không còn giá trị.

6. Địa điểm, thời gian tổ chức đấu giá, thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

6.1. Địa điểm tổ chức đấu giá:

Công ty Cổ Phần Thủy sản Cà Mau

Địa Chỉ: 8 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

6.2. Thời gian tổ chức đấu giá:

15h30 ngày 12 tháng 12 năm 2011

6.3. Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:

- Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá do Tổ chức bán đấu giá cung cấp, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn **mười (10) ngày làm việc** kể từ ngày công bố kết quả đấu giá (từ ngày **13/12/2011 đến 16h00 ngày 26/12/2011).**
- Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần: thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản cho Tổ chức bán đấu giá.

Địa điểm nộp tiền mặt: nộp tại địa điểm đã đăng ký tham dự đấu giá

- CN Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam – Tại TP.HCM. Địa chỉ: Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

  Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau.

  Địa chỉ: 8 Cao Thắng, khóm 7, phường 8, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Hoặc chuyển khoản đến

- CN Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam – Tại TP.HCM
- Tài khoản số 14011 485 102 8243 tại Eximbank Sài Gòn.
- Nội dung: Thanh toán tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền mua cổ phần của nhà đầu tư cho SCIC không quá **năm (05) ngày làm việc** kể từ khi hết thời hạn thanh toán mua cổ phần, chậm nhất là vào **16h ngày 20/12/2011.**

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.**
2. **Phụ lục II : Quyết định bán phần vốn Nhà nước của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước.**
3. **Phụ lục III : Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau**
4. **Phụ lục IV : Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2009, 2010 và 6 tháng 2011**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2011

Đại diện Công ty cổ phần	***Đại diện Công ty cổ phần Chứng khoán***
Thủy sản Cà Mau	***Quốc tế Việt Nam***
	Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC TƯ VẤN DOANH NGHIỆP
BÙI NGUYÊN KHÁNH	**NGUYỄN VĂN TUẤN**